

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/KDTM-ST

Ngày: 16-3-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm:*

1. Ông Nguyễn Văn Tiên

2. Ông Võ Văn Tốt

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 85/2020/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH H

Địa chỉ: Số C L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Chí H - Giám đốc Công ty TNHH H.

Bị đơn: **Công ty cổ phần hóa chất Hòa Bình**

Địa chỉ: 395/12 đường TTH21, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái B – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần H.

(Ông H có đơn xin vắng mặt, ông B vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong quá trình tố tụng các đương sự trình bày:*

Theo ông Hoàng Chí H là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH H trình bày:

Vào ngày 02/01/2018 Công ty TNHH H (Công ty H) với Công ty cổ phần H (Công ty H) có ký hợp đồng nguyên tắc số 20/2018/Đại Tín-Hòa Bình với nội dung Công ty H đồng ý cung cấp cho Công ty H các loại hóa chất, nguyên phụ liệu theo đơn đặt

Từ ngày 14/8/2018 đến ngày 26/9/2018 Công ty H đã xuất cho Công ty H 10 (mười) hóa đơn bán hàng với tổng số tiền nợ là 275.239.585 đồng, như sau:

Lần 1: Ngày 14/8/2018, hóa đơn số 01238, tổng thành tiền 28.199.820 đồng;

Lần 2: Ngày 17/8/2018, hóa đơn số 01251, tổng thành tiền 57.103.750 đồng;

Lần 3: Ngày 17/8/2018, hóa đơn số 01250, tổng thành tiền 4.226.250 đồng;

Lần 4: Ngày 24/8/2018, hóa đơn số 01278, tổng thành tiền 2.415.000 đồng;

Lần 5: Ngày 24/8/2018, hóa đơn số 01279, tổng thành tiền 33.772.475 đồng; hàng của Công ty H.

Tên hàng, số lượng, giá bán được thể hiện trong bảng báo giá của Công ty H hoặc đơn đặt hàng của Công ty H3 với sự xác nhận của hai bên.

Lần 6: Ngày 30/8/2018, hóa đơn số 01300, tổng thành tiền 56.399.640 đồng;

Lần 7: Ngày 04/9/2018, hóa đơn số 01316, tổng thành tiền 38.069.900 đồng;

Lần 8: Ngày 11/9/2018, hóa đơn số 01349, tổng thành tiền 27.337.750 đồng;

Lần 9: Ngày 11/09/2018, hóa đơn số 01350 tổng thành tiền 2.415.000 đồng;

Lần 10: Ngày 26/9/2018, hóa đơn số 01389, tổng thành tiền 25.300.000 đồng;

Công ty H đã thanh toán cho Công ty H xong hóa đơn số 01238 ngày 14/08/2018 số tiền 28.199.820 đồng.

Như vậy, Công ty H còn nợ lại Công ty H 9 hóa đơn (gồm hóa đơn số 01250 ngày 17/08/2018, hóa đơn số 01251 ngày 17/08/2018, hóa đơn số 01278 ngày 24/08/2018, hóa đơn số 01279 ngày 24/08/2018, hóa đơn số 01300 ngày 30/08/2018, hóa đơn số 01316 ngày 04/09/2018, hóa đơn số 01349 ngày 11/09/2018, hóa đơn số 01350 ngày 11/09/2018, hóa đơn số 01389 ngày 26/09/2018) với tổng số tiền nợ là 247.039.765 đồng.

Đến ngày 05/12/2018 Công ty H gửi thư xin hoãn nợ, xin thanh toán tiền nợ hạn cuối vào tháng 01/2019.

Sau nhiều lần đôn đốc và hỏi thúc bằng công văn cũng như xác nhận qua điện thoại, Công ty Cổ phần H chỉ thanh toán cho Công ty H được 60.000.000 đồng như sau: Ngày 26/12/2018 là 10.000.000 đồng, ngày 28/01/2019 là 40.000.000 đồng và ngày 31/1/2019 là 10.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng V - Chi nhánh S. Công ty H còn thiếu Công ty H số tiền nợ mua bán hàng hóa là 187.039.765 đồng.

Nay Công ty H làm đơn khởi kiện yêu cầu Công ty H phải trả lại cho Công ty H số tiền nợ là 187.039.765 đồng.

Theo ông Nguyễn Thái B là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần H trình bày:

Bị đơn Công ty cổ phần H vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không có lời trình bày của bên bị đơn Công ty cổ phần H tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành đúng pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 24, 50 và 306 Luật Thương mại năm 2019; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng mua bán hàng hóa được Công ty H với Công ty H lập thành văn bản, ký kết một cách tự nguyện. Cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận nên được xác định là vụ án kinh doanh thương mại. Tại điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 của hợp đồng nguyên tắc số 20/2018/Đại Tín-Hòa Bình ngày 02/01/2018, hai bên đã thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án địa phương đặt trụ sở của bị đơn. Xét thấy bị đơn có trụ sở tại Quận A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn Công ty H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai bằng hình thức niêm yết nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vào ngày 19/12/2019 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty H, nguyên đơn Công ty H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiếp tục công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh thì “Công ty H vẫn còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ 3 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Hòa B – là người đại diện theo pháp luật của Công ty H vẫn còn sinh sống tại địa chỉ 3 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn Công ty H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty H phải trả cho Công ty H số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 187.039.765 đồng.

Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền nợ còn thiếu hay không và ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nhận thấy, phía nguyên đơn đã cung cấp được các phiếu xuất kho thể hiện đã xuất hàng hóa cho bị đơn và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho phía bị đơn như sau:

Phiếu xuất kho số 0001250 ngày 17/8/2018, số 0001251 ngày 17/8/2018, số 0001279 ngày 24/8/2018, ngày 25/8/2018, số 0001300 ngày 30/8/2018, số 0001216 ngày 04/9/2018, số 0001349 ngày 11/9/2018, số 0001350 ngày 11/9/2018, số 0001389 ngày 26/9/2018;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 01250 ngày 17/8/2018 thành tiền 4.226.250 đồng; hóa đơn số 01251 ngày 17/8/2018 thành tiền 57.103.750 đồng; hóa đơn số 01278 ngày 24/8/2018 thành tiền 2.415.000 đồng; hóa đơn số 01279 ngày 24/8/2018 thành tiền 33.772.475 đồng; hóa đơn số 01300 ngày 30/8/2018 thành tiền 56.399.640 đồng; hóa đơn số 01316 ngày 04/9/2018 thành tiền 38.069.900 đồng; hóa đơn số 01349 ngày 11/9/2018 thành tiền 27.337.750 đồng; hóa đơn số 01350 ngày 11/9/2018 thành tiền 2.415.000 đồng; hóa đơn số 01389 ngày 26/9/2018 thành tiền 25.300.000 đồng. Tổng số tiền nợ là 247.039.765 đồng. Công ty Cổ phần H đã thanh toán cho Công ty H số tiền 60.000.000 đồng vào các sau: Ngày 26/12/2018 là 10.000.000 đồng, ngày 28/01/2019 là 40.000.000 đồng và ngày 31/1/2019 là 10.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng V - Chi nhánh S. Công ty H còn nợ Công ty H số tiền là 187.039.765 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án thư xin hoãn nợ của Công ty H gửi cho Công ty H đề ngày 05/12/2018 với nội dung xin thanh toán số tiền nợ hạn cuối vào tháng 01/2019. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H là có căn cứ nên được chấp nhận cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2019, Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi chậm thanh toán tại điểm 5.2.11 khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng nguyên tắc số 20/2018/Đại Tín-Hòa Bình ngày 02/01/2018, hai bên đã thỏa thuận như sau: “Thanh toán cho bên Bán đúng theo Điều 4. Nếu quá hạn trên và đã được bên Bán nhắc nhở

bằng email hoặc fax mà bên Mua vẫn chưa thanh toán thì bên mua sẽ chịu phạt trả chậm theo lãi suất vay quá hạn của Ngân hàng N (VCB) tính trên số ngày chậm trả”. Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.351.988 (*chín triệu, ba trăm năm mươi một ngàn, chín trăm tám mươi tám*) đồng bị đơn Công ty H phải nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2019; Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty cổ phần H.

[2] Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho Công ty TNHH H số tiền mua hàng hóa còn nợ là 187.039.765 đồng (*một trăm tám mươi bảy triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm sáu mươi lăm*) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền trên chưa được thi hành sẽ được tính lãi chậm trả theo điểm 5.2.11 khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng nguyên tắc số 20/2018/Đại Tín-Hòa Bình ngày 02/01/2018 mà hai bên đã ký kết tương ứng với thời gian chưa thi hành cho đến khi thi hành xong.

[3] Về án phí: Công ty cổ phần H phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.351.988 (*chín triệu, ba trăm năm mươi một ngàn, chín trăm tám mươi tám*) đồng.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.675.994 (*bốn triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi bốn*) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0000763 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (4b);
- VKSND Quận 12 (1b);
- Chi cục THADS Quận 12 (1b);
- TAND TP.HCM (1b);
- VKSND TP.HCM (1b);
- Lưu HS, VT (6b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thảo**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tiên**

**Võ Văn Tốt**

**Nguyễn Thị Thanh Thảo**

**Điều 306. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán**

Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

